

TỪ "LUẬN NGŨ NGU ÁN", XEM XÉT NHO HỌC NAM TRUYỀN VÀ SỰ THAY ĐỔI DIỆN MẠO CỦA NÓ

CHU HỒNG NGUYÊN (*)

Bài viết so sánh diện mạo của "Luận ngữ" trong ba giai đoạn: giai đoạn đầu tiên với chủ thể so sánh là Khổng Tử trong thời kỳ Xuân Thu – Chiến Quốc ở nước Lỗ cũng như những nước chư hầu khác, tức là thế kỷ IV – V trước CN., tiếp theo là Chu Hy trong giai đoạn Nam Tống sơ kỳ, tức là giữa thế kỷ XII – XIII của đế quốc Trung Hoa; cuối cùng là Phạm Lập Trai trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII ở Việt Nam. Bài viết cho rằng, tuy sự sắp xếp, biên soạn "Luận ngữ" của Phạm Lập Trai có nhiều điểm chưa rõ, nhưng phong cách của ông thực sự là một bước đột phá rất đáng bàn trong việc chú giải "Luận ngữ".

Mở đầu

Tư tưởng của Khổng Tử được học trò của ông chỉnh lý thành sách *Luận ngữ*. Trải qua 2500 năm, đến nay, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại, về cơ bản, cuốn sách này vẫn giữ được nguyên dạng. Tuy nhiên, trong quá trình lâu dài này, cùng với sự biến đổi của thời đại, của môi trường khách quan và quan niệm chủ quan, sự chú thích và giải thích đối với *Luận ngữ* cũng thay đổi. Không chỉ vậy, *Luận ngữ* đã từng bị soạn lại nhiều lần, hoặc bị sáp nhập với việc biên soạn các tác phẩm khác. Đến thời Tống, đặc biệt là thời kỳ giữa Bắc Tống và Nam Tống, ở Trung Quốc lúc này, *một mặt*, kỹ thuật văn minh thịnh vượng, thậm chí đến mức nổi bật trên toàn cầu, *mặt khác*, có dân tộc khác ở bên ngoài xâm nhập vào và Phật giáo ngày càng trở nên phổ biến. Trong khi đó, nội bộ của triều đình đi vào giai đoạn quyền lực của hoàng tộc tăng nhanh, các môn phái kiềm chế lẫn nhau,

thư sinh có thể thảo luận chính trị không cần kiêng dè. Trong môi trường này, phong khí dạy học tự do được cổ vũ và phổ biến. Phiên bản của *Luận ngữ* cũng bắt đầu đa dạng hơn.

Sống trong môi trường thuận lợi đó, lấy đế vương chuyên chế làm chỗ đứng tư tưởng cơ bản, Chu Hy đã chỉnh lý một cách khá đầy đủ *Luận ngữ*. Công việc này của Chu Hy có rất nhiều ý nghĩa. Trước hết, trên phương diện học thuật, *một mặt*, giúp cho Nho học lập lại địa vị chủ yếu, *mặt khác*, xây dựng nội hàm của Nho học ngày càng phong phú hơn. Tiếp đó, trên phương diện tư tưởng chính trị, do thế giới Trung Hoa đang ở giai đoạn đế quốc với sự vận hành chính phủ chuyên chế đế vương rất hiệu ích, nên khả năng quay về lối cũ là không thể, nhưng ông lại so sánh với tư tưởng hoàn toàn tự do của thời đại Xuân Thu - Chiến Quốc trước một nghìn

(*) Giáo sư, Viện Nghiên cứu Lịch sử hiện đại, Viện Nghiên cứu Trung ương Đài Loan.

mấy trăm năm với trăm nhà đua tiếng. *Thứ ba*, trên phương diện giáo dục và truyền bá tri thức, sự phát minh kỹ thuật in ấn đã giúp cho tri thức khoa học - kỹ thuật và các tác phẩm nghiên cứu học thuật của mấy nghìn năm trước được tích lũy và truyền bá từ bao đời đến thời Đường, Tống, khiến cho thông tin thư tịch của thời Tống vượt lên thời Khổng Mạnh. Điều đó đã ảnh hưởng tới Chu Hy, giúp cho ông có điều kiện thuận lợi thông hiểu Nho, Đạo, Pháp, âm dương... đồng thời, có năng lực vượt lên thời cổ, xây dựng được một hệ thống trù tượng các vấn đề, như bản thể luận, vũ trụ luận, tri thức luận... Về vấn đề này, thời kỳ Khổng Tử của thời đại Xuân Thu, với bề dày tri thức vẫn còn tương đối thấp và sự truyền bá tri thức còn tương đối chậm, không thể so sánh được.

Bởi những nguyên nhân trên, *Luận ngữ* do Chu Hy chú thích, dựa vào điều kiện xã hội và phương thức tư duy, đã rời khỏi Khổng Tử. *Thứ năm*, cái mà Chu Hy đã xây dựng thích hợp với Đế vương học của đế quốc Tống, về cơ bản, là một chỉnh thể lớn và hơn thế, không còn dùng cách luận chứng thế tục, mà đã chuyển sang lấy triết học và luân lý học hỗn hợp làm chủ chốt; đồng thời, trên một trình độ tương đương giảm bớt học vấn thống trị. *Thứ sáu*, vì Chu Hy chỉ chấp nhận trung ương tập quyền nên cũng khác với cục diện thời đại của Khổng Tử là thời mà tuy trên có Chu Thiên tử, nhưng thực tế là do chư hầu phong kiến tự lập và tự thống trị. Và *thứ bảy*, trên cơ sở văn minh Trung Hoa đã đạt đến đỉnh cao trong triều Tống, Đế vương học của Chu Hy,

đương nhiên được nhiều quốc gia trong thế giới Trung Hoa hoan nghênh. *Thêm nữa*, trong ba thời đại Nguyên, Minh, Thanh sau đó, bộ học vấn này của Chu Hy tiếp tục được những người đứng đầu thiên hạ khẳng định và do vậy, việc sử dụng nó không chỉ phổ biến trong nội bộ đế quốc Trung Hoa, mà còn truyền bá sang nước ngoài, phía Đông Bắc đến Hàn Quốc, Nhật Bản, phía Đông Nam tới những nhà nước như Việt Nam, Thái Lan, v.v..

Tiêu điểm của bài viết này là Việt Nam. Bởi vì dữ liệu lấy được từ Hà Nội hiện nay đều tập trung vào nửa cuối thế kỷ XVIII, nên giai đoạn nghiên cứu thảo luận trong bốn năm nay được đặt ở thời hậu kỳ triều Lê(1).

Tác giả đã căn cứ trên cơ sở nội dung đồ sộ của Nho học Việt Nam và dữ liệu loại khoa cử văn tuyển còn lại rất nhiều(2) để nghiên cứu. Năm thứ nhất, đầu tiên là sự phát hiện những bài văn và vấn đề dự thi thời kỳ đầu của các nhà Nho, như Ngô Thời Sĩ, Lê Quý Đôn,... ở một trong những bộ *Tập văn thi hội Triều Lê*, nên mặc định trước, lấy vấn đề dự thi

(1) Từ đầu năm 2005, tôi quyết định mở mang lĩnh vực nghiên cứu mới ở bên ngoài Trung, Nhật, Hàn. Sau đó, tôi lấy Đế vương học của Chu Hy tại Việt Nam làm tiêu đề viết bài, được nhiều sự giúp đỡ từ Chủ nhiệm Lưu của Viện Văn Triết và cô Nguyễn Tô Lan của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Đầu tiên là tháng 9 năm 2005, sau đó là tháng 9 năm 2006, hai lần đi sang Hà Nội thu thập dữ liệu, nói chuyện với nhiều học giả của Phòng nghiên cứu Hán Nôm và có nhiều thể nghiệm linh hội.

(2) Lúc đó tuy thời gian rất ngắn, nhưng đã nhìn thấy, ít nhất có 20 đến 30 loại văn tập của thi địa phương cũng như thi trung ương.

làm vấn đề tiêu biểu để đi sâu vào theo dõi thành phần Đế vương học của Chu Hy. Đầu năm 2006, tác giả đã từng có bài viết riêng nhằm tìm kiếm nội dung vấn đề và đáp án của bài thi khoa cử trong 5 lần tại Việt Nam ở thế kỷ XVIII, từ năm thứ 13 (1752) đến năm thứ 36 (1775) thời Lê Hiển Tông Cảnh Dũ, tương ứng với thời kỳ Càn Long Trung Quốc. Tác giả chọn ra bộ phận có tính đại diện(3) để giới thiệu cụ thể, nhằm hiểu rõ nội hàm chủ yếu của Đế vương học thông qua quan điểm của tầng lớp thống trị, của giới giáo dục và của các bậc trí giả Việt Nam thời đó.

Năm 2006, trong lần thứ hai sang Việt Nam, qua thảo luận với nghiên cứu viên Đinh Khắc Thuân(4) và nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm Phan Văn Các của Viện Khoa học xã hội Việt Nam(5), một lần nữa, tôi quyết định lấy *Luận ngữ ngu án*(6) để tìm hiểu một phương hướng khác của Đế vương học của Chu Hy tại Việt Nam. Qua suy nghĩ suốt 3 năm, tôi có bài viết này. Đối với một khối lượng lớn sách cổ khác của Việt Nam, bao gồm *Hiếu biết nông cạn Xuân Thu* của Ngô Thời Sĩ, *Chu lễ trích yếu*(7), *Tứ thư trích yếu*(8) và *Diễn nghĩa ngữ kinh trích yếu*(9) của Phan Huy Bích và *Tứ thư ước giải* của Lê Quý Đôn, tôi sẽ nghiên cứu thảo luận vào năm tới.

I. Giới thiệu tóm tắt về Phạm Lập Trai

Trung Quốc đã từng có rất nhiều người làm chủ thích khác nhau cho *Luận ngữ* của Khổng Tử. Ngoài Trung Quốc cũng thế. Tuy chủ thích khác nhau, nhưng trước năm 1782, vẫn chưa có người nghĩ đến việc có thể tách riêng các chương của

Luận ngữ, sau biên tập lại thành mới. Cuối cùng, điều này đã xuất hiện, mà lại xuất hiện ở Việt Nam, phía nam của Trung Quốc. Lúc đó, Việt Nam đang trong tình trạng phân chia, nhưng thuộc về thời kỳ vua Lê Hiển Tông.

Luận ngữ ngu án của Phạm Lập Trai là một quyển sách như vậy. Cuốn sách này khiêm xưng là chú thích (ngu án), mà lại thành ra *Luận ngữ tập chú*, một trong những nền tảng của Đế vương học Chu Hy, tổ chức lại ngôn luận của Khổng Thánh trên kết cấu bài văn. Vì sao họ Phạm làm thế? Ông muốn thoát khỏi lưới vây bắt, đột phá Đế vương học của Chu

(3) Những bài thi Hội và thi Đình của năm 1752 đến 1775 hiện nay còn lại, do nội dung của bài thi và đáp án rất phong phú nên chỉ có thể lựa chọn một bộ phận nhỏ.

(4) Đinh Khắc Thuân. *Lịch sử và tình trạng nghiên cứu của khoa cử Việt Nam*. Trường Đại học Hà Môn, (Tập luận văn Hội thảo nghiên cứu thảo luận học thuật quốc tế: Khoa cử chế và khoa cử học), 2005.

(5) Phan Văn Các. *Luận ngữ ngu án - tác phẩm kinh học đáng chú ý*. Tạp chí Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, số 1, 2005, tr.44-51.

(6) Trong *Luận ngữ ngu án* có kiến giải của bản thân Phạm Lập Trai, rất khó đọc. Quyển sách này được Giáo sư Phan Văn Các coi trọng nhất, cho nên đặc biệt với tiếng Việt đi sâu vào giới thiệu trong Tạp chí Hán Nôm vào năm 2005. Bài văn này được cô Nguyễn Tô Lan giúp dịch ra tiếng Hán, cống hiến thực lớn, cũng cảm ơn tại đây.

(7) Tên nguyên *Trích yếu san dị Chu Lễ chú sở*, đã xin quyền copy từ Phòng Hán Nôm, cất giữ trong Phòng Văn Triết của viện này.

(8) Ví dụ, *Tứ thư trích yếu* của Phan Huy Bích, hiện giờ Phòng Hán Nôm cất giữ có năm Thành Thái thứ 7 (1895), phiên bản Liễu Văn Đường.

(9) *Diễn nghĩa ngữ kinh trích yếu* của Phan Huy Bích, Phòng Hán Nôm cất giữ có năm Minh Mệnh 18 (1837), phiên bản Đa Văn Đường.

Hy thật không? Ông muốn làm cái gì? Trở về nguyên dạng Khổng Thánh hồi xưa? Hay là bước vào thời đại mới? Dưới đây, tôi sẽ tiến hành sự giới thiệu vấn đề này theo cách của học giả hồi đó và bản thân họ Phạm.

1. Quan điểm của Hoài Đức Phủ

Tân Sửu năm 42 đời Cảnh Dữ Lê Hiến Tông (1782), *Luận ngữ ngu án* do một người Việt là Đông Xuyên Cư sỹ Hoài Đức Phủ làm lời tựa xuất bản(10). Tác giả là Phạm Lập Trai có hiệu Thạch Giản tiên sinh(11).

Hoài Đức Phủ đánh giá rất cao quyển sách này, viết rằng: “Học giả chỉ học Khổng Tử, xá là thư hê cầu tai. Liều liều ngàn tải, vi ngôn phát chương. Hạnh được hồi am chu tử, vi chi tập chú, phát huy tôn chỉ. Hậu học ư thị hồ chiết trung, khởi phi đại hạnh dư! Mà hôm nay học giả chỉ đọc *Luận ngữ*, chỉ chư gia tiểu chí, vụ vi thiếp quát, thủ tiện ứng cử, kinh văn tập chú, vấn tất nhi phát giảng, thị vi tri học dã da”(12)?

Hoài Đức Phủ tiếp tục dùng lời của Chu Hy nói(13): Chu Hy từng xưng: “Tử Du viết: “Nam phương chi học, đắc kì tinh hoa””. Tiếp theo, Hoài Đức Phủ viết: Thạch Giản hảo đức thị, tự thiếu dĩ cử nghiệp danh trường ốc. Kí sĩ, do cần vụ thư. Nhất nhật đọc *Luận ngữ*, phiên nhiên đại ngộ, đốc hiếu, trầm tiêm kì ý. Tam duyệt hàn thủ, vưng vi tứ thiên 23 loại. Mà còn: chương dĩ loại phụ, các hữu luận thuyết, viết rằng: *Luận ngữ ngu án*. Cả bộ sách có mười chín cuốn.

Hoài Đức Phủ cho rằng, ưu điểm của bộ sách này là: “Cương lĩnh nề nếp, rục rở có chương. Thoát ra khỏi bình dân thế

tục, nêu cao đạo của thánh nhân. Dụng ý của nó là khuyến thiện”. Vì thế, Hoài Đức Phủ đã dụng “khởi thiên tương dữ tư văn, mặc hữu dĩ khả chi dư” để đưa ra quan điểm của mình.

Tuy nhiên, Hoài Đức Phủ cũng điểm ra một số câu, viết: “Trình Tử có nói, nay mọi người đọc *Luận ngữ*, khi chưa đọc là người ở trình độ này, đọc xong rồi thì chỉ là người ở trình độ này, thì như vậy chính là không biết đọc”. Nhưng mà, nay xem Thạch Giản (Phạm Lập Trai), Hoài Đức Phủ nói ông: “Lấy tài năng hơn người, vì “vi kỉ” chi học”. Cái đó do ở sách, đã biết “mặc nhi thức chi” (Tạm dịch: cái biết do mặc nhiên, tự tại ngộ ra). Vì thế, nếu có thể dốc sức thực hành thực tiễn, lấy giáo huấn mà đạt được thành công, thì “ích lợi không thể đo đếm được”.

2. Quan điểm của bản thân Phạm Lập Trai

Bản thân Phạm Lập Trai chỉ ra rằng.

(10) Hiện giờ có thể đọc đến là sách bản lại, trong năm Minh Mệnh 13 triều Nguyễn, do con rể của Phạm Lập Trai là Hộ Tuần Sĩ của xã Quỳnh Lưu Lương Phú hầu, kiến xin Nghi xuân lương đơn phủ xã bảo triện chính tiến sĩ Trần Viết Anh, làm thành sách bản lại của Tiểu Đình mới khắc. Cụ thể tham khảo bên trước của sách này, chính tiến sĩ Đình Mùi khoa của xã Gia bình lương hương triện phủ Thuận An tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Đăng Sở Tư nghiệp Quốc tử giám làm: Thư án *Luận ngữ ngu án* mới khắc.

(11) Người xuất bản là Ba Hy Đường.

(12) Tham khảo: Lời tựa *Luận ngữ ngu án* của Hoài Đức Phủ, văn xuất từ *Luận ngữ ngu án* của Phạm Lập Trai, năm Minh Mệnh thứ 13, bản lại. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam cất giữ.

(13) Hoài Đức Phủ. *Sdd.*.

ông vào Viện Hàn lâm triều Lê vào năm Mậu Tuất thứ 39 Cảnh Dũ (1779). Có một buổi tối, tự nhiên suy nghĩ về *Luận ngữ*, bèn lấy ra để đọc “đến bốn mươi, năm mươi câu. Bỗng bừng tỉnh ngộ, thảng thốt như đã mất gì đấy”. Nhiều ngày sau, ông phấn khởi viết: “Tích Lỗ Hứa Tề năm bốn mươi, thử ngộ bình sinh trao và nhận mạnh lãng, nhất diệp kì cữu, từ tiểu học vào, suất vì minh đạo quân tử”; “Mình so sánh với lúc Lỗ Tề cầu đạo, vẫn trẻ hơn một ít. Từ giờ đến già, còn nhiều năm. Không thể không nỗ lực tiến bộ, để tự mình cho vào khó khăn”. Sau đó, Phạm Lập Trai quyết tâm phát cử tử học, suốt ngày để sách *Luận ngữ* ở bên cạnh. Ông quyết định học thuộc chính văn trước, sau đó đọc *Tập chú* của Chu Hy, tiếp đến đọc thuyết của các nhà Nho. Với tinh thần tìm tòi nghiên cứu, không bỏ qua một ngày, sau 7, 8 tháng, kiến thức của ông dần dần nâng cao. Cuối cùng, “Trục thường nhi lục câu yên, triếp bất tự quy”, đến điểm đột phá: Phạm Lập Trai đã có thể phân loại, chỉ ra các thiên để tiện cho việc xem xét, nghiên cứu. Ông cho rằng, có tất cả bốn thiên, 23 loại, dưới mỗi thiên văn chính, kèm với “ngu án”, cho nên lấy tên là *Luận ngữ ngu án*.

Ông quyết định từ đó về sau, từ mùa hè, bắt đầu công việc. Miệt mài làm việc, tất cả dành ra 3 năm, mới xem như thành công bước đầu. Sau đó, nhân những lúc nhàn rỗi, ông tiếp tục “có chỗ chưa tốt, lại thay đổi sửa chữa”, hy vọng đến già, mới dám cho ra mắt.

Có người phê bình Phạm Lập Trai rằng, *Luận ngữ* là do thánh nhân viết, một bộ hai mươi thiên. Phạm thay đổi, sắp xếp phân loại lại, không sợ bị người

đời thảo luận định tội sao? Phạm Lập Trai lấy giải thích của Chu Hy trả lời. Chu Hy cho rằng, hồi đó, khi soạn viết *Luận ngữ*, đã qua rất nhiều năm, vì thế phân chia hoàn toàn không có hệ thống. Nguyên văn viết: Chu Hối Ông khẳng định rằng, *Luận ngữ* là do đệ tử của Khổng Tử ghi chép lại những lời dạy của Khổng Tử mà thành sách. Sau đó, sách được Tăng Tử sửa chữa, hiệu đính. Mỗi thiên lấy hai chữ đầu của thiên để phân biệt, ban đầu các chữ đó không có ý nghĩa. Nhan Uyên đại hiền, sau đó là Tử Lộ, Tử Trương, Dã Trường, lấy tên mình làm thiên, cũng giống như Vệ Linh, Dương Hoà, Lý Thị. Ngoài không có kết cấu, thực sự có bao nhiêu chương, cũng không ai rõ. Chu Hy còn nói: cách biên soạn của mỗi thời đại, mỗi địa phương có sự khác nhau. Nguyên văn viết: “Huống *Luận ngữ* thời cổ mười một thiên, ở nước Tề hai mươi hai thiên, còn nước Lỗ có hai mươi thiên, vì thế đã bao giờ lấy số lượng thiên mà đánh giá?”.

Tiếp theo, Phạm Lập Trai lại nói: “Người đọc *Luận ngữ* hôm nay là vì mong muốn tìm hiểu lời dạy thánh hiền, dần dần tự ngộ ra, hiểu đến tận cùng sự vật, cũng cần phải liên hệ với sự vật, hiện tượng, đó chẳng phải là mong trở thành người biết đó sao?”. Dựa theo thứ tự của chương, “thì trong vô ý nghĩa, mong muốn tìm ra cái ý nghĩa?”. Nói rất là có đạo lý.

Bởi nguyên nhân trên, Phạm Lập Trai cho rằng, nguyên tắc quan trọng nhất là ở chỗ, nên làm thế nào để bắt được cái thực dụng, mà mục đích là cho mình ngày càng tốt hơn. Nguyên văn viết: “là vì mong muốn tìm hiểu lời dạy thánh hiền,

dần dần tự ngộ ra, hiểu đến tận cùng sự vật, cũng cần phải liên hệ với sự vật, hiện tượng, đó chẳng phải là mong trở thành người biết đó sao?". Sách viết: "Thạch Giản thị tự học sách này: phân chương loại, bổ sung thêm những quan sát cảm nhận, mà không phải là dịch những lời giáo huấn. Chẳng phải sao?". Hơn nữa, trong 482 chương của *Luận ngữ*, có 6 chương trùng nhau. Vì thế, bộ sách "ngu án" đã lược đi những cái trùng lặp, nhưng lại tăng thêm 15 tiết trong thiên "Hương giác" và từ hai chương "Tập chú", chia thành bốn chương, tổng cộng 493 chương.

Các chương lấy loại mà phân ra, nhưng chương tất phải có chú thích tên thiên, thể hiện không làm mất gốc cũ. Cũng vì thế, Phạm thị nói, *một mặt*, "Tập chú" để phát huy chính văn, nhưng *mặt khác*, cũng phải "cẩn trọng". Thông qua sự suy xét trên nhiều phương diện, *Luận ngữ* không phân thành 20 thiên, mà sửa thành bốn thiên: thứ nhất là "Thánh", thứ hai là "Học", thứ ba là "Sĩ", thứ tư là "Chính". Gọi là: "Lấy thánh nhân thịnh đức cách ngôn đưa lên đầu, lấy những lời nói, ghi chép của người đời đưa vào sau. Có phép tắc, có pháp độ. Học giả lấy thiên câu loại, lấy loại câu chương, lấy chương câu ý, một khi xem liền hiểu rõ". Vì thế, "bất vị chi hữu, nhi vị tri hữu tội, khả hồ?"

II. *Luận ngữ ngũ án* đã sắp xếp toàn bộ *Luận ngữ*

Như đã nói ở trên, kinh điển để thảo luận và phân tích của bài này là nhờ vào phiên bản mới của năm 1830 được lưu giữ trong Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam⁽¹⁴⁾. Vào tháng 9 năm 2005, lần đầu tiên phỏng vấn Viện

Nghiên cứu Hán Nôm của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, lúc đó, trên *Tạp chí Hán Nôm*, Giáo sư Phan Văn Các đã có bài chuyên luận giới thiệu *Luận ngữ ngũ án* do Phạm Lập Trai biên soạn.

Sau khi đọc, tôi phát hiện ra rằng, Phạm Lập Trai hơi "mạnh dạn" trong sự phân tách tất cả các thiên trong *Luận ngữ* của Khổng Tử, lấy "chương" làm đơn vị, sửa lại theo ba cấp độ mới là: "thiên", "quyển" và "loại" trong các chương, cho sắp xếp lại toàn bộ.

Cấp thứ nhất là "thiên", chia thành "Thánh", "Học", "Sĩ" và "Chính". Sau đó, với bốn "thiên" làm hạng mục chủ yếu, biên soạn lại tất cả các chương (cấp thứ bốn). Số lượng chương của các thiên như sau: thiên "Thánh" có 105 chương; thiên "Học" nhiều nhất với 202 chương; thiên "Sĩ" có 45 chương; thiên "Chính" có 141 chương.

Trong thiên thứ nhất - "Thánh" có 105 chương. Theo tính chất của các chương, lại tiến một bước nữa, quy "loại" thành cấp thứ ba. Cũng cho "chương" của 105 đơn vị, đầu tiên chia thành 8 loại: "Học vấn", "Uy nghi", "Ăn ở phục thực", "Ứng sự phạm vật", "Xử biến", "Thủ nhân", "Thuyết thánh" và "Nghị thánh". Trong các loại, lại theo thứ tự phân biệt có 7, 7, 9, 30, 7, 26, 8, 11 chương. Nhưng, để thuận lợi cho việc đóng thành quyển trên phương diện dày mỏng, loại số chương ít, gộp soạn lẫn nhau mà thành "quyển" (cấp thứ hai). Vì thế, thiên thứ nhất có 8 loại,

(14) Phòng này đích xác là phòng cất giữ hàng đầu các văn bản cổ của Việt Nam. Sách cổ văn chữ Hán của phòng đã cất giữ rất là phong phú, thường được ngành Hán học quốc tế coi trọng.

nhưng cục bộ gộp thành 4 quyển, mỗi quyển có khoảng hai, ba mươi chương.

Thiên thứ hai là thiên “Học”, số chương nhiều nhất, cơ bản phân làm bốn loại lớn, nội dung có 7 loại nhỏ. Theo tính chất của các chương, chia thành “Chí tri (thượng)”, “Chí tri (hạ)”, “Lực hành (thượng)”, “Lực hành (trung)”, “Lực hành (hạ)”, “Hiếu ễ” và “Giao tiếp”. Trong các loại nhỏ, lại theo thứ tự phân biệt có 28, 30, 39, 39, 39, 15, 12 chương. Nhưng, để tiện lợi cho sự đóng thành quyển theo phương diện dày mỏng, loại số chương ít, cần gộp soạn thành quyển, cuối cùng chỉ có hai loại “Hiếu ễ” và “Giao tiếp”. Vì thế, thiên thứ hai có 7 loại, nhưng lại có 6 quyển, mỗi quyển cũng có khoảng hai, ba mươi chương.

Trong thiên thứ ba - “Sĩ” có 45 chương, số chương ít nhất, hơn nữa lại chỉ có một loại lớn là “Sĩ”. Trong đó lại chia thành cao thấp, là “Thượng sĩ”, “Trung sĩ” và “Hạ sĩ”. Trong các loại nhỏ, lại theo thứ tự phân biệt có 11, 24, 10 chương. Số chương các loại nhỏ tuy ít, lại không biên soạn gộp lẫn nhau mà thành quyển. Vì thế, thiên thứ ba có 3 loại nhỏ, nhưng cũng có 3 quyển, mỗi quyển chỉ một, hai mươi chương.

Trong thiên thứ tư - “Chính” có 141 chương, số chương nhiều thứ hai. Các chương theo tính chất được phân vào 5 loại. Trong các loại, lại theo thứ tự phân biệt có 25, 28, 28, 30, 30 chương. Nhưng, do số chương của mỗi loại không ít, không cần gộp soạn lẫn nhau và vì thế, đều độc lập mà thành quyển riêng, khiến cho thiên thứ tư có 5 loại, cũng có 5 quyển, mỗi quyển đều có từ 25 chương trở lên.

III. Dạng mới của Nho giáo Nam truyền: sự sắp xếp của các thiên *Luận ngữ ngu án*

Phạm Lập Trai lấy bốn hàng mục “Thánh”, “Học”, “Sĩ”, “Chính” cho sự phân loại lại *Luận ngữ*. Cách này, nếu Khổng Tử sống lại, có đồng ý hay không? Đây đúng là một vấn đề. Bởi vì, trong thời đại và tình cảnh của sự đối thoại giữa Khổng Tử và học trò cũng như người đương thời, không có “Thánh” tồn tại. Quan niệm “Thánh” xuất hiện nhiều năm sau khi Khổng Tử mất. Trong khi đó, từ 10 (hoặc 8) loại mục của thiên “Thánh”, ngoài loại học vấn thứ nhất, các cái khác đều là trình bày nguyên lý, nguyên tắc của sự xử lý quan hệ giữa người với người.

Đến thiên “Học”, trong thiên này có bốn loại, tuyệt đại bộ phận liên quan đến nội dung hạt nhân của “Học”, như chí tri, sự vận dụng “Học” là lực hành. Còn lại, hai loại “Hiếu ễ” và “Giao tiếp” cho vào thiên thứ nhất.

“Sĩ” chính là vấn đề “học để làm quan” trong truyền thống Trung Quốc, trong đó chỉ phân thành 3 loại.

Đối với bốn loại của thiên “Chính”, cũng là cái cơ bản nhất để thành Thánh, cho vào thiên “Thánh” cũng rất phù hợp. Song, tác giả lại cho nó vào thiên “Chính” (chính trị). Điều đó nói lên việc tác giả cho rằng, “Chính” (chính trị) cũng là “Chính” (trung chính, ở giữa, chủ yếu), tức là “chính văn”. Chính và chính văn đều cần lập nền tảng từ “chính kỉ”, cho nên nó được sắp xếp vào thiên thứ tư.

Tổng hợp sự phân loại và xếp đặt tất cả 19 loại, mục của Phạm Lập Trai, có thể thấy, đối với người Việt Nam trong thế kỷ XVIII, *Luận ngữ ngu án* là một bộ

sách quý báu đề cập đến các vấn đề ăn ở, ứng xử, quy phạm sự vật cũng như chịu trách nhiệm công việc hành chính, chứ không phải dành cho đế vương - người thống trị cao nhất xã hội. Nó thuộc về tầng lớp trí thức học làm quan, chứ không phải là chuyên môn thuộc về đế vương. Cách này của họ Phạm khác nhiều với cách Chu Hy cho nó trở thành Đế vương học, đặc biệt là các quy tắc, nguyên tắc của cuộc sống vua. Hiểu biết của họ Phạm gần với tâm trạng của Khổng Tử trong thời đại Xuân Thu. Tuy nhiên, vì việc có và không có quan niệm Thánh, mà giữa hai bên có sự khác nhau.

Luận ngữ trình bày và phân tích mối quan hệ giữa bản thân với người khác, có thể đi vào từ nhiều góc độ hoặc loại mục. Theo sự phân loại môn học ngày nay, về cơ bản, cách sắp xếp thiên, mục của Phạm Lập Trai (Thánh (tu dưỡng), Học (tìm tòi, học hỏi), Sĩ (làm quan) và Chính (hành chính)) là sự tổng hợp 3 học môn: môn lý luận, môn giáo dục và môn hành chính công cộng.

1. Thánh (tu dưỡng)

Trong sự trình bày và phân tích thiên thứ nhất - Thánh (luân lý), trọng tâm vấn đề trước hết là xác nhận giai đoạn, phương pháp học tập "có 7 chương (điều)". Tiếp theo, phương diện cuộc sống xã giao chia thành 4 loại: xác định quy tắc cư xử với mọi người (có 7 điều), thảo luận cách ăn mặc hàng ngày (có 9 điều), quy định lời nói và việc làm trong đối nhân xử thế (nhiều đến 30 điều). Những loại đặc biệt như "xử biến" có 7 điều, nhưng nội dung phân tán. Tiếp theo, loại "Thủ nhân" có đến 26 điều, tập hợp cách ứng đối trong học trò, như Nhan Hồi, Trọng Cung, Mẫn

Tử Khiên, Nam Dung, Công Dã Tràng, Tử Cống,... Cuối cùng, "Thuyết Thánh" có 8 chương, xây dựng các điều kiện của Khổng Khâu đã được thành Thánh.

2. Học (tìm tòi học hỏi)

Thiên "Học" có ý nghĩa gần giống với "Giáo dục" của ngày nay, nhưng không hoàn toàn giống nhau. Khổng Tử không đứng ở góc độ giáo viên, mà đứng ở góc độ học trò để thảo luận sự học tập phải như thế nào. Ngôn luận của phương diện này nhiều đến 58 chương. Phạm Lập Trai gọi nó là loại "chí tri". Song, do Khổng Tử rất coi trọng thực hành, nên thiên "Học" có hơn 117 chương, tức là gần một phần bốn bộ *Luận ngữ*, thảo luận về vấn đề này.

Tiêu điểm của đề mục thảo luận này không quan hệ với vấn đề "tìm tòi học hỏi" trong ngành học thuật. Nó xoay quanh sự thảo luận làm thế nào để làm một người "quân tử", chứ không thảo luận loại liên quan đến tri thức luận hoặc cách nghiên cứu. Vì thế, vấn đề cơ bản là cách học giỏi để làm quân tử thực hành nhân đức. *Luận ngữ* chỉ đề cập cái "Học" từ góc độ học trò, chứ không phải là từ góc độ giáo viên. Nhìn từ góc độ đó, *Luận ngữ* trên cơ sở lấy khẩu khí của giáo viên, tưởng tượng rằng, bất cứ đối tượng nào cũng đều là đối tượng của mình giáo dục mà viết thành.

Vì thế, các tài liệu giảng dạy và giáo dục hiện nay đều không thuộc phạm vi *Luận ngữ* đã quan tâm. Từ góc độ luân lý, việc thảo luận làm như thế nào thành Thánh, cũng như từ góc độ giáo dục các học trò làm thế nào để có thể trở thành quân tử, *Luận ngữ*, theo phân loại của Phạm Lập Trai, đã suy nghĩ đến hai vấn đề của việc đảm nhiệm quan văn của

chính phủ: *một là*, làm thế nào để trở thành một người quan văn; *hai là*, trên cương vị quan văn, thực hiện việc quản lý nhân dân như thế nào.

Trên phương diện liên quan đến việc trị dân, quan điểm của Khổng Tử có thể xem là có tính khách quan. Đặc biệt, nó không có hình thái ý thức, cũng không có lập trường chủ quan chính trị, chỉ có sự nghiên cứu đáp án khoa học khách quan của hành chính.

Để đưa ra tiêu chuẩn trở thành quan văn và làm quan văn như thế nào, trong phần thứ ba của thiên thứ hai – “Học”, Phạm Lập Trai chỉnh lí ra hai loại “Hiếu để” và “Giao tiếp”. Trong chương 15 của “Hiếu để”, ông lấy thảo luận “Hiếu” làm trọng tâm. Lý do “Hiếu” được xếp ở chương đầu là, “Khổng Tử viết: “Phụ tại quan kì chí; phụ một quan kì hành. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ”” (tạm dịch: xem ý chí, nguyện vọng của cha mà không xem ở việc làm của cha, ba năm không bỏ đạo của cha, xem như là có hiếu). Trong thiên “Học nhi đệ nhất” của *Luận ngữ*, tiêu điểm của vấn đề không chỉ là quan sát một người như thế nào, mà còn là phải quan sát trong một thời gian lâu dài. Phương pháp là xem ngôn và hành của người này trong lúc phụ thân còn sống và ít nhất ba năm sau khi phụ thân qua đời, sau mới làm so sánh. Nói ngắn gọn, quan trọng là phải quan sát người này trong thời gian ít nhất bốn năm trở lên. Mục đích là gì? Mục đích chỉ là muốn chứng minh người con có theo đạo của người cha (phụ chi đạo) không, tức là làm việc có theo nguyên tắc hành sự của phụ thân, làm người có theo nguyên tắc làm người không. Trong “Học

nhi đệ nhất” viết: “Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, cẩn nhi tín, phiếm ai chúng, nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn” (tạm dịch: học trò học nguyên tắc của hiếu, hành xử nguyên tắc của để, cẩn trọng mà tin, yêu mọi người, cũng có lòng nhân. Hành xử phải dốc hết sức, thì cũng lấy đó để học văn). Chương này đã được sắp xếp trong phần “Thượng” của mục “Lực hành”. Vì vậy, có thể nói, loại này có tính chất bổ sung. Ngoài “Hiếu”, được thảo luận nhiều không phải là “Để”, mà là “Hữu” (bằng hữu). Phạm Lập Trai sắp xếp phần “Giao tiếp” có 12 chương, trong đó bao gồm “ích giả ba hữu”, “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” và “Tăng Tử viết: “Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân” (tạm dịch: Người quân tử lấy văn để kết bạn, lấy bạn để trợ lòng nhân).

3. Sĩ (làm quan)

Sau khi tu dưỡng đầy đủ, tìm tòi học hỏi cũng như chuẩn bị cho mối quan hệ tốt đẹp giữa bản thân và mọi người, Phạm Lập Trai cho rằng, vấn đề Khổng Tử quan tâm tiếp theo là làm thế nào để trở thành một quan văn, vì thế có tiêu đề của thiên thứ ba là “Sĩ”.

Thiên thứ ba thảo luận “Sĩ” là như thế nào, hay làm quan là như thế nào, khuôn khổ rất nhỏ, chỉ có 3 loại, toàn bộ chỉ có 45 chương. Thiên này có ba cuốn: cuốn thứ nhất - “Thượng sĩ” chỉ có 11 chương; cuốn thứ hai - “Trung sĩ” có 24 chương; cuốn thứ ba - “Hạ sĩ” chỉ có 10 chương.

Chương thứ nhất của loại “Thượng sĩ”, miêu tả Khổng Tử tại nước Tề được vua rất ngưỡng mộ, tiếp đãi long trọng, xem Khổng Tử như quý tộc cấp cao, như thượng khanh. Tuy nhiên, sau khi Khổng

Tử nghe được điều đó, lại có phản ứng “tiêu cực”, thậm chí lấy việc mình đã già làm lý do, lập tức thu dọn hành lý, rời khỏi nước Tề. Trong “Tề Cảnh Công đãi Khổng Tử” của văn xuất “Vi tử thập bát” có viết: “Nhược Quý Thị tắc ngộ bất năng, dĩ Quý, Mạnh chi gian đãi chi” và “Ngô lão hĩ, bất năng dụng dã” (tạm dịch: Tôi đã già rồi, không thể dùng được nữa), rồi Khổng Tử rời đi.

Ở đây, Phạm Lập Trai đã xếp câu truyện Khổng Tử nghe đến Tề Cảnh Công xem mình là người cấp khanh hầu, phân định với Quý thị và Mạnh thị, đồng thời muốn trọng dụng, lấy “lão” làm lý do từ chối khéo sự ủy nhiệm,... đặt ở vị trí thứ nhất trong phần “Thượng sĩ”. Dụng ý ấy của Phạm Lập Trai đáng suy nghĩ.

4. Chính (hành chính)

Thiên thứ tư của *Luận ngữ ngũ án* là thiên “Chính”. Trong thiên “Chính” chia thành mấy loại, có “Chính dĩ”, “Quan nhân” (thượng, hạ), “Lễ nhạc” và “Phú dân”. Người chính, chính dã. Loại thứ nhất của thiên này yêu cầu mục đích của chính (hành chính) là một chữ “chính” (ở giữa, ngay thẳng, chính trực). Chính có thể chia thành hai phương diện là “Chính dĩ” và “Chính nhân”. Nhưng, Khổng Tử không thảo luận “Chính nhân”, chỉ tập trung vào thảo luận “Chính dĩ”. Do đó, có thể nói, “Chính” trong tư tưởng của Khổng Tử là “Chính dĩ”, chứ không phải là “Chính nhân”. Đối với người làm “Chính”, Khổng Tử yêu cầu họ trong suy nghĩ của mình phải biết “tự xét trong lòng”, biết được “nghĩa vụ” của mình ở đâu. Phạm Lập Trai cũng đã nhìn thấy dụng ý này.

Đối với người khác, đặc biệt là nhân dân, Khổng Tử yêu cầu người làm “Chính” phải lấy “Phú dân” làm mục tiêu; tức là, người làm quan phải “lợi dân”, chứ không phải “lợi mình”. Lấy “Phú dân” làm loại cuối cùng của thiên không phải là nguyên nghĩa của Khổng Tử, mà là quan điểm của Phạm Lập Trai. Chúng ta có thể thấy rõ giá trị phán đoán, suy xét của Phạm Lập Trai vẫn là quan niệm sĩ đại phu truyền thống, chứ không phải cách nghĩ nhân dân làm người chủ của xã hội dân chủ như hôm nay. Tuy vậy, qua sự biên soạn, sắp xếp của Phạm Lập Trai, cảm giác vội vạy trên cao vốn có của người sĩ đại phu trong *Luận ngữ ngũ án* đã không còn. Cái còn lại là “dân bản” của truyền thống Trung Quốc do người sĩ đại phu tìm hiểu cội nguồn nỗi khổ của dân, chứ không phải do nhân dân tự mình làm chủ.

Loại thứ hai là “Quan nhân”, được chia lại thành thượng, hạ hai phần. Cách sắp xếp này lấy quan làm ý chí, cần hiểu rõ bản thân người, mục đích là điều chỉnh quan hệ với mình. Song, nếu xem xét kỹ nội dung của nó, thì có thể thấy, lời nói của Khổng Tử không trực tiếp quan hệ với “Quan nhân” trong thiên này. Trong sự sắp xếp, biên soạn của tác giả Phạm Lập Trai vẫn còn có điểm chưa rõ. Trong loại “Lễ nhạc”, những thảo luận phân tích liên quan đến “Lễ” nhiều hơn nhiều so với “Nhạc”.

Tóm lại, từ sự sắp xếp của thiên “Chính”, có thể thấy, Phạm Lập Trai không chỉ coi sĩ cao hơn nông, công, thương, mà còn ưu tiên học sĩ trong toàn bộ công việc biên soạn. Cách làm này không có gì khác với Chu Hy.

5. So sánh *Luận ngữ ngu án* với *Cận tư lục*, *Luận ngữ tập chú* của Chu Hy

Đối với các bậc sĩ đại phu có cơ hội làm thầy của vua trong thời Tống, Chu Hy, thông qua *Cận tư lục*, đã sớm xây dựng được hệ thống tư tưởng của học phái Trình Chu. Nhờ sự phối hợp, giúp đỡ của Lã Tổ Khiêm, Chu Hy đem toàn bộ hệ thống đó, lấy các quái cần khôn của *Dịch kinh* làm nền tảng, qua đạo thể luận đi vào “Vi học”, tiếp đến “Chí tri”. Song, chỗ quan trọng nhất, đồng thời cũng là nhược điểm lớn nhất của tư tưởng Chu Hy(15) là lấy “Chí tri” làm nhánh phụ, lấy “Vi học” làm chủ chốt. Thêm nữa, Chu Hy đã không coi trọng phân tích và nghiên cứu khách quan, mà nhấn mạnh “Chủ kính” với tư cách chủ quan, đi vào “Tồn dưỡng” trong “Vi học”. Đây là sự thay đổi quan trọng nhất của tư tưởng Chu Hy, khiến cho “Vi học” không siêu thoát ở lý luận, mà bị hạn chế trong lý luận, bị hạn chế trong “kính” - một khái niệm có tính xã hội. Tiếp đó, Chu Hy lại hướng tới “Tồn dưỡng” là cái vốn có tính chất luân lý, thậm chí còn yêu cầu bản thân luân lý hóa(16).

Và, một khi “Vi học” bị luân lý hóa, đóng vai trò là nhánh phụ trong phương hướng “Chí tri”, thì nó tất chệch khỏi việc thuận theo khách quan, thuận theo khoa học. Vì vậy, cuốn thứ ba của *Cận tư lục* (Chí tri) vừa nhấn mạnh tri thức của “nghe thấy”, vừa nhấn mạnh tri thức “đức tính”, đồng thời hướng về cái sau(17). Chu Hy từ “Tồn dưỡng” hướng về

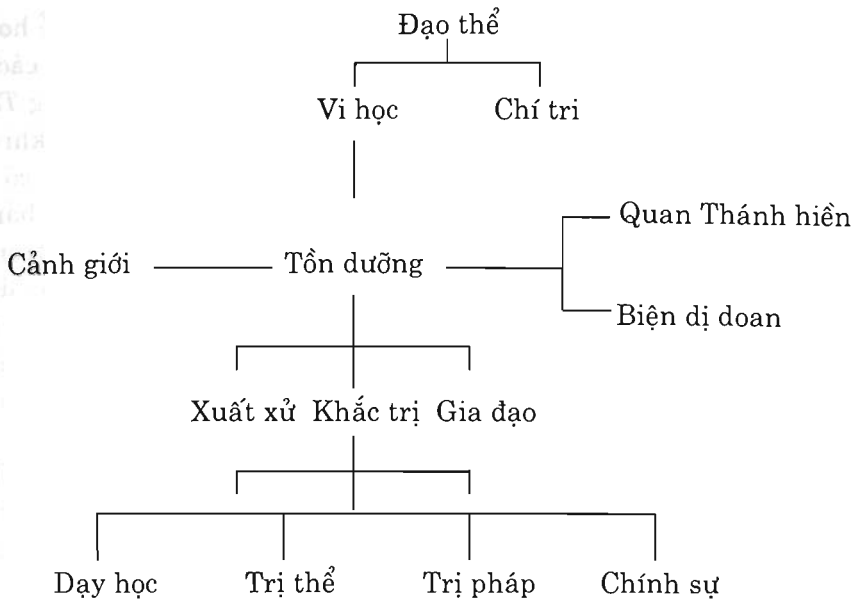
nguyên tắc đối mình “kiềm chế”, đối gia “gia đạo” và đối ngoại “xuất xử”. Tiếp đó, Chu Hy đi vào khoa học xã hội, đầu tiên nắm bắt “Trị thể”, sau luận “Trị pháp”, “Chính sự”, cũng như “Giáo học” mà hoàn thành chủ chốt của hệ thống. Sau đó, Chu Hy lại bổ sung ba phương diện là “Quan Thánh hiền”, “Biện dị đoan” và “Cảnh giới” để nội dung của “Tồn dưỡng” ngày càng phong phú, cụ thể, làm cho cả hệ thống tư tưởng của Chu Hy được xây dựng và kết hợp một cách “cao diệu”.

Tuy nhiên, kết cấu này, lại không thể dùng cho người bình thường, hay giới trí thức bình thường, bởi vì người bình thường không có cơ hội làm ba điều “Quan Thánh hiền”, “Biện dị đoan” và “Cảnh giới”. Hơn nữa, người bình thường không có được trình độ cao này: vừa nhấn mạnh tri thức của “nghe thấy”, vừa nhấn mạnh tri thức “đức tính”, đồng thời hướng về cái sau! Những điều này đều là việc chỉ có người làm đế vương cần chú ý đến. Vì thế, Chu Hy và những người khác, thông qua *Cận tư lục*, đã xây dựng cả một hệ thống tư tưởng của học phái Trình Chu, về cơ bản là cái học của Đế vương. Xin tham khảo biểu đồ dưới đây (Lược đồ hệ thống tư tưởng *Cận tư lục*):

(15) Một nhược điểm là pháp của chí tri không phù hợp nguyên lý khoa học, mà dẫn đến luận bản thể và luận vũ trụ của nó là do “vô cực” và “thái cực” kết hợp làm cơ sở, sau lại kết hợp với “Dịch Kinh” và âm dương ngũ hành mà thành.

(16) Chu Hy, Lã Tổ Khiêm. *Giản tư lục*, quyển hai.

(17) Trần Uất Phu dẫn đọc, Chu Hy, Lã Tổ Khiêm. *Cận tư lục*, Đài Bắc, Kim Phong, Dân 76, trang 6-8.



(Nguồn gốc dữ liệu: *Cận tư lục*, Chu Hy, Lã Tổ Khiêm hợp soạn.

Chế tác: Chu Hùng Nguyên, Chu Lệ Dung)

Do xuất phát từ mối quan hệ luân lý giữa gia đình và cá nhân, nên tư tưởng khoa học xã hội của Chu Hy là xây dựng trên nền tảng luân lý gia đình. Loại luân lý gia đình này căn cứ vào hình dạng địa lý của Trung Hoa đại lục, căn cứ vào sự đòi hỏi xã hội của một đế quốc nông nghiệp điển hình, nó được ứng dụng trong sự khẳng định tập quyền của hoàng đế. Về phương diện tri thức khoa học, đương nhiên người ta chỉ có thể xây dựng nó theo trình độ khoa học kỹ thuật của thời Tống lúc đó. Và, việc không giảng hòa với người Kim, chủ trương trả thù, là sự loại trừ văn hóa du mục(18). Điều đó khiến cho cả hệ thống Chu Hy xây dựng coi nhẹ sự thật lịch sử của sự liên kết sâu sắc và lâu dài với văn hóa du mục từ thời Hán, Tống cho đến nay, mang tính hạn hẹp và có sự tự mãn rõ nét.

Ở tuổi 48, do đã xây dựng được lập trường chủ thể của sự ứng dụng môn luân lý học của bản thân mình và cũng là ở đỉnh cao nhất của sự sáng tạo, Chu Hy

đã có nhiều sự chú thích, như *Luận ngữ tập chú*, *Hoặc vấn*, *Đại học chương cú*, *Trung dung chương cú*, biên soạn *Thi tập truyện*, viết *Chu dịch bản nghĩa*.

Trong khoảng thời gian từ 49 tuổi đến 56 tuổi, Chu Hy đảm nhiệm chức vị triều đình, ông đã đem những cái được học thực tế ứng dụng trên chính trị và tiến một bước nữa, thực hiện đầy đủ chính sách cụ thể. Do khẳng định trung ương tập quyền của hoàng đế, Chu Hy cho rằng, nguyên nhân chủ yếu của việc sao nhãng việc nước chủ yếu là do ở hoàng đế (quân tử chưa được sử dụng, tiểu nhân chưa bị đuổi đi). Vì thế, mấu chốt của việc cải thiện tình hình chỉ có một, đó là: "Nhân chủ tất tu tuần thiên lý, chính đại thể".

Đến 58 tuổi, Chu Hy hoàn thành "Tiểu học", dạy trẻ con về đạo thương yêu người thân, kính trọng người lớn tuổi, tôn trọng

(18) Tôn Quảng Đức, Chu Hồng Nguyên. *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*, Đài Bắc, Trường Đại học Không Trung, Dân 86.

thầy. Đến 60 tuổi, ông viết bài tựa cho *Đại học chương cú* và *Trung dung chương cú*. Đó là lần đầu tiên ông sử dụng từ “đạo thống” và dùng 16 từ của *Kinh thư*: “Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung” để “cụ thể hoá” nội hàm của nó.

Cách Chu Hy “cụ thể hoá” Đế vương học của mình là xây dựng cả hệ thống lý luận về thánh nhân, hay còn gọi là “Luân lý chính trị học”. Việc xây dựng hình mẫu của một thánh nhân như thế được xem như đã hoàn thành. Nhưng, khi Chu Hy muốn tiến thêm một bước nữa trong việc áp dụng vào thực tế lịch sử thì lại không dễ, vì trong cuộc sống chính trị thực tế, thực sự không có một người như thế.

Trong lịch sử thành văn sau thời Tần, thậm chí trong lịch sử sau thời Xuân Thu, rõ ràng là, Chu Hy không tìm thấy một lý tưởng như thế và vì vậy, Chu Hy quay trở lại truyền thuyết, dựa vào kí ức lịch sử của nhân dân để kết thành Thánh nhân(19). Ông chọn Hạ, Thương, Chu ba thời đại, lấy vị vua khai quốc của ba thời này làm hình mẫu, thêm vào Nghiêu và Thuấn, Chu Công với việc làm ra lễ nhạc sau này, cũng như Khổng Tử với chủ trương “*học nhi ưu tắc sĩ*”, để hoàn thành xây dựng một kết cấu lơ mơ, nhưng có phương hướng, có nguyên tắc của Thánh vương trong Đế vương học của mình và thứ tự sự truyền thụ của nó. Cho nên, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Chu Công, Khổng Tử trở thành thánh vương hoặc thánh nhân truyền từ đời này sang đời khác, đây là một loạt mô thức thánh quân Trung Quốc có tính chất cả nội thánh lẫn ngoại vương. Bộ mô hình này cũng là mẫu mực (ideal type) của hoàng đế Trung Quốc trong các thời đại sau thời Tống là Nguyên, Minh và Thanh.

Chu Hy chính là người sáng tác bộ

sách mang tính “điển phạm” về hoàng đế Trung Quốc này. Sự chú thích cách nghĩ của Khổng Tử lúc dạy học trong *Tập chú Luận ngữ* đã được Chu Hy viết khi ông 48 tuổi. Đương nhiên, trong đó có nhiều điểm khác với cách nghĩ của bản thân Khổng Tử khi viết *Luận ngữ* trong thời Xuân Thu. Tuy nhiên, từ khi xây dựng đế quốc Trung Hoa cho đến nay, từ Tần Hán, Tuỳ Đường cho đến hai đời Tống, đều chưa từng có người phân *Luận ngữ* cả bộ thành các phần riêng lẻ để biên soạn lại. Trong thời ba đế quốc là Nguyên, Minh, Thanh, với sự phát triển cực thịnh của việc thi khoa cử của Nho giáo, cũng không có người từng làm như vậy.

Kết luận

Trọng tâm của Chu Hy là thảo luận và phân tích một cách cụ thể, chi tiết nội hàm và các giai tầng cụ thể của tính luân lý trên phương diện khoa học xã hội, từ đó hoàn thành nền tảng cho cả hệ thống. Vì vậy, Chu Hy chú trọng cả luân lý lẫn khoa học: về phương diện luân lý tính, hoàn thành “*cổ kim gia tể lễ*”; về phương diện tính khoa học, hoàn thành *Cận tư lục*, cùng với Lã Tổ Khiêm viết thành *Cận tư lục*, đồng thời tổng hợp tác phẩm nghiên cứu của bốn nhà Bắc Tống là Chu Đôn Di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải và nhờ đó, hoàn thành xây dựng “đạo thể”, đi vào học thuật, quan thông rất nhiều môn học trong khoa học xã hội.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội, tư tưởng của Chu Hy, từ gần đến xa: bắt

(19) Chu Hy nối gót hai Trình. Trình Minh Đạo - vị “Thánh nhân tạo pháp, giai bản chu nhân tình, cực hồ vật lý, tuy hai đế ba vương bất vô tuy thời nhân cách, chủng sự tăng tổn chi chế”. Lại vị: “Ba đại chi trị, thuận lý giả dã, hai hán dĩ hạ, giai nắm giữ thiên hạ giả dã”. Chuyển dẫn từ: Dư Anh Thời. “Thế giới lịch sử của Chu Hy”, Đài Bắc, Doãn Thần, Dân 92, tr.267, 47.

dầu từ nhận biết của cá nhân, xác định quan hệ giữa "tôi" và "người" với tầng cấp và loại khác nhau trong xã hội, xây dựng thành một hệ thống nguyên tắc tu dưỡng của sự kết hợp lẫn nhau của nhiều loại "người" và một mình "tôi". Sau đó, ông đi vào chính trị học, phương pháp học, giáo dục học, luân lý học, đồng thời kết hợp với hệ thống luân lý, làm tiêu chuẩn cho đánh giá cuối cùng của thánh hiền(20).

Bài viết này xem xét diện mạo của *Luận ngữ* trong 3 thời kỳ: thời kỳ đầu tiên, lấy nước Lỗ cũng như những nước chư hầu khác của thời đại Xuân Thu là thời Khổng Tử sống (thế kỷ V – IV trước CN.) làm chủ thể so sánh; tiếp đó là thời kỳ đầu Nam Tống của Chu Hy, giữa thế kỷ XII - XIII của đế quốc Trung Hoa; thời kỳ thứ ba là Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII, khi đó Phạm Lập Trai đang làm quan ở Việt Nam. Bài viết chủ yếu thảo luận về xã hội và chính trị hồi đó, ít nhắc đến văn hoá và kinh tế.

Tình trạng chính trị - xã hội của 3 giai đoạn này khác nhau rất nhiều. Ở thời đại Khổng Tử, Chu Thiên tử vẫn còn, nhưng uy thế đã nhỏ bé, các nước chư hầu, ngoài nước Sở xưng vương, còn lại đều là nước chư hầu, như công quốc, hầu quốc... Trong nội bộ các nước chư hầu xuất hiện một giai cấp thống trị mới: "khanh". Thời đại Chu Hy thì ngược lại hoàn toàn, đã không có thiên tử theo mô hình "liên minh chủ", cũng không có vương quốc, công quốc và hầu quốc... độc lập tự chủ, chỉ có đế quốc do hoàng đế thống lĩnh. Địa vị của giới trí thức ở thời Tống cao hơn ở thời đại Xuân Thu. Chu Hy, Phạm Trọng Yêm, thậm chí Vương An Thạch, Tư Mã Quang, v.v., đều đã từng là "đế sư", dạy hoàng đế đương đại thi hành sự thống trị. Còn Việt Nam của thời đại Phạm Lập Trai, bởi vì vừa có Hoàng đế

Lê Hiển Tông ở trên, vừa có Chúa Trịnh ở miền Bắc và Chúa Nguyễn ở phía Nam(21), nên cục diện cũng như địa vị của nó hơi giống với thời đại Khổng Tử. Do đó, trong một quốc gia phong kiến liên minh của thiên tử (hoặc hoàng đế) ở trên, nhưng quyền lực có hạn, và một đế quốc quyền lực vợi vợi trên cao, có lực lượng thực tế, cách nhìn nhận của giới trí thức (học để làm quan) đối với quan hệ giữa học vấn và thống trị có nhiều điểm khác nhau. Chúng ta có thể thấy rất rõ điều này từ sự phân loại, cũng như sự chú thích *Luận ngữ* của Chu Hy - người từng làm "đế sư" và Phạm Lập Trai - một quan văn bình thường.

Cũng do vậy, có thể nói, phong cách mà Phạm Lập Trai dùng trong việc biên soạn và sắp xếp, chú thích *Luận ngữ ngũ án* là một sự đột phá của *Luận ngữ tập chú*, vừa ở bố cục toàn thể, vừa ở giải thích từng câu. Bài viết này mới là sự khởi đầu, nên chỉ dừng lại ở việc giới thiệu, thảo luận và so sánh Chu Hy và Phạm Lập Trai đối với toàn bộ việc biên soạn, sắp xếp của hai ông đối với *Luận ngữ*.

Người dịch: NGÔ XUÂN DI

Người hiệu đính: TS. CHU VĂN TUẤN

(Viện Khoa học xã hội Việt Nam)

(20) Đồng nghiệp Viện Văn Triết, với triết học sâu sắc luận chính, dẫn dụng tác phẩm nổi tiếng của cổ kim trung tây, đánh giá sâu sắc tác phẩm của bản thân Chu Hy cũng như Dư Anh Thời. Cụ thể, tham khảo luận biện của Lưu Thuần Tiên và Dư Anh Thời tại "Cửu châu học lâm" từ Dân 92 mùa đông đến nay. Luận biện kiến vu "Đăng Đại" của Dương Nho Thạt và Dư Anh Thời. Lý Minh Huy chỉnh lý lại, hoàn thành bài "Nghiên cứu lại vấn đề "Nội thánh ngoại vương"" (Viện Văn Triết, Viện Trung nghiên, Tập luận văn hội nghiên thảo quốc tế (hiểu biết, chú thích và truyền thống Nho gia), Dân 95, 1, 12-14).

(21) "Triều Lê hầu kì chu chính quyền phân lập năm đại biểu". Nham Thôn Thành Doãn, (An Nam thông sử), Đông Kinh, Phú Sơn Phòng, tr.247-248.